

Bản án số: 05/2018/HS-PT

Ngày 24 - 12 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán:

Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 340/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo **Trịnh Thị H**, **Vũ Thị Kim H1** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

1. Trịnh Thị H, sinh ngày 18/9/1962 tại tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Viên chức đã nghỉ hưu; chức vụ: Nguyên Thủ quỹ Trường Chính trị tỉnh Phú Yên; nguyên đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông **Trịnh Văn T** và bà **Phạm Thị L**; có chồng **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1957 và 03 con, lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 27 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 26/8/2015, thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày 18/8/2016; bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Vũ Thị Kim H1, sinh ngày 08/4/1978 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Cán bộ công chức; chức vụ: Nguyên Kế toán Trường Chính trị tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông **Vũ Hùng A** và bà **Lê Thị H**; có chồng **Đặng Quang T**, sinh năm 1971 và 02 con, lớn 13 tuổi, nhỏ 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo **Trịnh Thị H**:* Ông **Lưu Ngọc C** - Luật sư, Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên – Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo **Vũ Thị Kim H1**:* Bà **Nguyễn Thị N** - Luật sư, Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên – Có mặt.

** Nguyên đơn dân sự: Trường Chính trị tỉnh Phú Yên; địa chỉ: phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do ông Hồ Văn M; chức vụ: Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Chính trị tỉnh Phú Yên (theo quyết định phân công phụ trách số 3667-QĐ/TU ngày 23/5/2018 của Tỉnh ủy Phú Yên) làm đại diện theo pháp luật – Có mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Trương Ngọc P; địa chỉ: Trường Chính trị tỉnh Phú Yên - Có mặt.
- Bà Lê Thị Bích H2; địa chỉ: Trường Chính trị tỉnh Phú Yên - Có mặt.
- Bà Trần Thị T; địa chỉ: Trường Chính trị tỉnh Phú Yên - Có mặt.
- Ông Lê Văn S; địa chỉ: phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

(Trong vụ án còn có 1330 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2008, Trường Chính trị tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại do ngân sách Nhà nước cấp.

Ngày 05/12/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 207/QĐ-TU bổ nhiệm ông Trương Ngọc P - Quyền Hiệu trưởng giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Phú Yên. Ngày 16/9/1998, Ban tổ chức Tỉnh ủy ký Quyết định số 37/QĐ-TC tuyển dụng Trịnh Thị H cán bộ hợp đồng vào biên chế của Trường Chính trị và xếp lương vào ngạch Thủ quỹ. Ngày 10/7/2006, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 212/QĐ-TU bổ nhiệm ông Lê Văn S giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng. Ngày 06/8/2009, Trường Chính trị tỉnh Phú Yên ký Quyết định số 197/QĐ-TCT phân công Vũ Thị Kim H1 cán bộ thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị đảm nhận công tác Kế toán. Ngày 19/7/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 593-QĐ/TU bổ nhiệm ông Nguyễn Khoa N - Phó Hiệu trưởng giữ chức vụ Quyền Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh thay cho ông Trương Ngọc P nghỉ hưu. Ngày 17/10/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 832-QĐ/TU giao bà Lê Thị Bích H2 - Phó Hiệu trưởng phụ trách

Trường Chính trị tỉnh thay cho ông Nguyễn Khoa N nghỉ hưu. Ngày 22/10/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 2314-QĐ/TU bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tuyết N giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng và ngày 21/12/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ký Quyết định số 2387-QĐ/TU bổ nhiệm bà Lê Thị Bích H2 giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Phú Yên.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Vũ Thị Kim H1 - Kế toán và Trịnh Thị H - Thủ quỹ Trường Chính trị tỉnh Phú Yên đã vi phạm các nguyên tắc về quản lý tài chính kế toán, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao lập khống chứng từ chi tiền ăn được Nhà nước hỗ trợ cho học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính học tại Trường và lấy tiền mặt tại quỹ để chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước. Ngày 12/6/2015, bà Lê Thị Bích H2, Nguyễn Thị Tuyết N thấy có dấu hiệu vi phạm nên tổ chức kiểm tra quỹ tiền mặt đột xuất, đã phát hiện Thủ quỹ Trịnh Thị H thiếu quỹ số tiền 451.712.000đ. Ngày 10/7/2015, Hiệu trưởng Trường Chính trị ký Quyết định số 208/QĐ-TCT thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất về tài chính kế toán của Trường. Kết quả kiểm tra xác định từ năm 2010 đến tháng 6/2015 Vũ Thị Kim H1 - Kế toán và Trịnh Thị H - Thủ quỹ đã lập khống chứng từ chi chế độ tiền ăn cho học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính học tại Trường để chiếm đoạt số tiền 2.351.382.000đ. Ngày 30/7/2015, Trường Chính trị đã có báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 25/12/2009 đến ngày 12/6/2015, Vũ Thị Kim H1 - Kế toán và Trịnh Thị H - Thủ quỹ của Trường Chính trị tỉnh Phú Yên đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao cùng nhau lập khống chứng từ thanh toán chế độ tiền ăn chi cho học viên 19 lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (LLCTHC) học tại Trường và trực tiếp lấy tiền mặt tại quỹ với tổng số tiền chiếm đoạt 3.169.251.119đ. Trong đó, Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H cùng thống nhất lập khống 116 bộ chứng từ chiếm đoạt chia nhau số tiền 2.567.596.000đ cụ thể gồm:

- + Lớp Trung cấp LLCTHC K40 lập khống 02 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 37.150.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K41 lập khống 01 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 7.700.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K43 lập khống 04 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 102.350.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K48 lập khống 02 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 30.749.500đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K49 lập khống 05 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 91.047.000đ.

- + Lớp Trung cấp LLCTHC K50 lập không 03 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 74.680.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K51 lập không 09 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 258.399.500đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K53 lập không 09 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 179.120.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K55 lập không 15 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 443.480.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K56 lập không 13 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 261.940.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K60 lập không 10 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 257.420.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K62 lập không 09 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 200.820.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K64 lập không 11 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 311.240.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K67 lập không 06 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 63.820.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K69 lập không 04 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 50.940.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K70 lập không 05 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 121.600.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K73 lập không 03 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 37.100.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K76 lập không 02 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 18.380.000đ.
- + Lớp Trung cấp LLCTHC K77 lập không 03 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 19.660.000đ.

Thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội là Vũ Thị Kim H1 - Kế toán trực tiếp lập không danh sách học viên nhận tiền ăn và danh sách học viên vắng học đưa cho Trịnh Thị H - Thủ quỹ ký giả chữ ký của học viên nhận tiền và ký giả chữ ký xác nhận của một số giáo viên chủ nhiệm, trình lãnh đạo ký duyệt để rút tiền chênh lệch chia nhau (*trong đó có 05 bộ chứng từ giả chữ ký của lãnh đạo*). Riêng Trịnh Thị H - Thủ quỹ còn tự chiếm đoạt tiền mặt tại quỹ với số tiền 578.215.119đ, sau đó Trịnh Thị H đã dùng tiền hàng mã loại 500.000đ xếp thành xấp rồi dùng tiền thật mệnh giá 500.000đ bọc ở ngoài đôi pho khi kiểm tra. Sau khi Trịnh Thị H bị cơ quan phát hiện thiếu quỹ không cho làm thủ quỹ nữa, giao Nguyễn Thị Tuyết N - Phó Hiệu trưởng giám sát công tác thu, chi và tạm giữ tiền quỹ của cơ quan.

Từ ngày 22/6/2015 đến ngày 30/6/2015 Vũ Thị Kim H1 - Kế toán được Nga giao tiền để chi trả tiền ăn cho học viên, Vũ Thị Kim H1 tiếp tục lập không 03 bộ chứng từ thanh toán để chiếm đoạt riêng cho cá nhân số tiền 23.440.000đ gồm:

+ Lớp Trung cấp LLCTHC K69 lập không 01 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 9.000.000đ.

+ Lớp Trung cấp LLCTHC K77 lập không 01 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 11.400.000đ.

+ Lớp Trung cấp LLCTHC K81 lập không 01 bộ chứng từ chiếm đoạt số tiền chênh lệch 3.040.000đ.

Số tiền chiếm đoạt Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H sử dụng chi tiêu hàng ngày cho gia đình và cho cá nhân các bị cáo. Riêng Vũ Thị Kim H1 có mua 1 xe mô tô VESPA.

Kết luận giám định tư pháp số 39/GĐ-PC54 ngày 03/3/2016 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên về lĩnh vực tài liệu và kết quả xác minh chữ ký của học viên, chữ ký của giáo viên chủ nhiệm, lời khai của học viên về số tiền thực nhận và số tiền lập không phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời khai nhận của các bị cáo.

Ngoài hành vi của 02 bị cáo nói trên, trong quá trình quản lý Lê Văn S và Nguyễn Thị Tuyết N - là các Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị đã có hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, gây hậu quả thiệt hại tài sản của Nhà nước, cụ thể:

Ngày 02/10/2006, ông Trương Ngọc P - Hiệu trưởng ký Thông báo số 128/TB-TCT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Giám hiệu, trong đó phân công cho Lê Văn S - Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị và được ông Phụng ủy quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước tỉnh. Sau khi ông Phụng nghỉ hưu, ngày 02/11/2011 bà Lê Thị Bích H2 - Phó Hiệu trưởng phụ trách ký Thông báo số 314/TB-TCT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Giám hiệu và tiếp tục phân công Lê Văn S - Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị và được bà Hạnh ủy quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước tỉnh. Sau khi Lê Văn S nghỉ hưu, ngày 14/01/2013 bà Lê Thị Bích H2 ký Thông báo số 12/TB-TCT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Giám hiệu, trong đó có phân công Nguyễn Thị Tuyết N - Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị và được bà Hạnh ủy quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Từ tháng 9/2009 đến tháng 12/2012, Lê Văn S - Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị, đã ký duyệt tổng cộng 66 bộ chứng từ thanh toán chế độ tiền ăn cho học viên, không kiểm tra, đối chiếu giữa chứng từ thanh toán so với lịch học của học viên nên không phát hiện việc Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H lập không chứng từ nâng số ngày học của học viên cao hơn ngày học thực tế để chiếm đoạt tiền Nhà nước, làm thiệt hại số tiền 1.641.656.000đ.

Từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2015, Nguyễn Thị Tuyết N - Phó Hiệu trưởng phụ trách hành chính - quản trị, đã ký duyệt tổng cộng 46 bộ chứng từ thanh toán chế độ tiền ăn cho học viên, không kiểm tra, đối chiếu giữa chứng từ thanh toán so với lịch học của học viên nên không phát hiện việc Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H lập không chứng từ nâng số ngày học của học viên cao hơn ngày học thực tế để chiếm đoạt tiền Nhà nước, làm thiệt hại số tiền 654.500.000đ.

Về khoản thu chi tài chính của 2 lớp cao cấp chính trị Khóa 10 và Khóa 11:

Theo nhu cầu đào tạo của Tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Phú Yên lập kế hoạch đào tạo năm 2009, 2010 và được Tỉnh ủy Phú Yên phê duyệt. Ngày 22/9/2009 và ngày 19/8/2010, ông Trương Ngọc P - Hiệu trưởng Trường Chính trị và ông Nguyễn Hồng Sơn - Giám đốc Học viện Chính trị - Hành Chính khu vực III, Đà Nẵng ký hợp đồng số 228/HĐ và số 240/HĐ về việc liên kết đào tạo lớp cao cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 10, số lượng 132 học viên; khóa 11, số lượng 115 học viên tại Trường Chính trị tỉnh Phú Yên. Trong đó, về kinh phí đào tạo khóa học và các thỏa thuận khác được quy định chi tiết cụ thể tại các hợp đồng đã ký kết.

Thực hiện theo các hợp đồng, Trường Chính trị đã tổ chức khai giảng lớp cao cấp lý luận chính trị Khóa 10 (2009-2011) vào tháng 9/2009 và Khóa 11 (2010-2012) vào tháng 9/2010. Quá trình tổ chức đào tạo hai khóa cao cấp lý luận chính trị nói trên, thời kỳ ông Trương Ngọc P - Hiệu trưởng, ông Nguyễn Khoa N - Quyền hiệu trưởng và bà Lê Thị Bích H2 - Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Chính trị không đưa vào hệ thống sổ sách kế toán để quản lý theo dõi mà phân công trực tiếp Kế toán Vũ Thị Kim H1 và Thủ quỹ Trịnh Thị H tiến hành thu chi và quản lý học phí dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Nhà trường. Việc tiến hành thu học phí của học viên bằng 02 hình thức, nộp vào tài khoản của Trường Chính trị mở tại Kho bạc tỉnh Phú Yên hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại bộ phận tài vụ, với học phí Khóa 10 là 6.900.000đ/học viên, Khóa 11 là 7.160.000đ/học viên. Thực tế, việc thu tiền mặt bằng chứng từ phiếu thu và chi bằng phiếu chi của hai khóa này kế toán, thủ quỹ không đưa đầy đủ vào hệ thống sổ sách để quản lý theo dõi theo đúng nguyên tắc tài chính kế toán. Hiện nay, chứng từ phiếu thu tiền mặt tại Trường Chính trị đã bị mất, không còn.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Kế toán - Vũ Thị Kim H1 đã thực hiện không đúng, không đầy đủ theo nguyên tắc tài chính kế toán, không đưa đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán để quản lý theo dõi việc thu chi tiền học phí hai lớp cao cấp lý luận chính trị Khóa 10 và Khóa 11 nói trên, dẫn đến gây thiệt hại cho Trường Chính trị số tiền 330.666.000đ. Trong số tiền thất thoát này, Thủ quỹ - Trịnh Thị H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trực tiếp thu học phí 2 lớp cao cấp lý luận chính trị nói trên và đã chiếm đoạt số tiền 72.706.000đ.

Theo sự phân công của lãnh đạo Trường Chính trị, Lê Văn S - Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính - quản trị đã không làm đầy đủ trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra cấp

dưới để cấp dưới tiến hành thu chi học phí của hai lớp cao cấp lý luận chính trị nói trên không đưa vào hệ thống sổ sách kế toán của Trường quản lý theo dõi, không kiểm tra đôn đốc việc thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền cho Học viện, không kiểm tra giám sát việc lưu trữ chứng từ thu học phí để xảy ra mất chứng từ, dẫn đến làm thiệt hại cho Trường Chính trị số tiền 330.666.000đ. Đến nay, hai hợp đồng liên kết đào tạo nói trên chưa thanh lý, Trường Chính trị còn nợ Học viện Chính trị khu vực III - Đà Nẵng số tiền 330.666.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 02 tập tiền hàng mã (236 tờ loại 500.000đ ngân hàng địa phủ).
- Tạm giữ của Vũ Thị Kim H1: 01 xe máy biển kiểm soát 78C1-141.86, màu son-Trắng; nhãn hiệu-PIAGGIO; loại xe-VESPA; số máy-M669M5008520; số khung-6500CV008036 và 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng-vàng, số IMEL-013888009718456, sim điện thoại Vinaphone số 01236008810.

* Về dân sự:

Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và gây thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền các bị cáo và những người liên quan đã nộp khắc phục 2.079.801.670đ, trong đó: Bị cáo Trịnh Thị H 1.072.765.000đ; bị cáo Vũ Thị Kim H1 400.000.000đ; bị cáo Lê Văn S 8.000.000đ (*nộp khắc phục về hành vi thiếu trách nhiệm 3.000.000đ, khắc phục khác 5.000.000đ*); bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N 219.635.000đ (*nộp khắc phục hành vi thiếu trách nhiệm 185.000.000đ, khắc phục khác 34.635.000đ*); Lê Thị Bích H2 229.601.670đ; Trương Ngọc P 12.310.000đ; Nguyễn Khoa N 10.180.000đ; Hồ Văn M 41.100.000đ; Lương Công Ninh 7.714.000đ; Đặng Lê Thanh Vũ 18.585.000đ; Nguyễn Ngọc Quỳnh Ngân 1.964.000đ; Đỗ Thị Như Mai 4.500.000đ; Phạm Thị Tương Lai 3.000.000đ và 29 cán bộ công nhân viên của Trường Chính trị nộp 50.447.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 phạm tội “Tham ô tài sản”; các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Thị Tuyết N, Vũ Thị Kim H1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, x, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 - phạt: Bị cáo Trịnh Thị H 20 (*hai mươi*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 26/8/2015 đến ngày 18/8/2016. Cấm bị cáo Trịnh Thị H đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 03 (*ba*) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 - phạt: Bị cáo Vũ Thị Kim H1 18 (*mười tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”; 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây

hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Vũ Thị Kim H1 chấp hành hình phạt chung là 19 (*mười chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Cấm bị cáo Vũ Thị Kim H1 đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 03 (*ba*) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Thị Tuyết N và trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2018, bị cáo Vũ Thị Kim H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường dân sự. Ngày 11/9/2018, bị cáo Trịnh Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị xem xét số tiền chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Thị H tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi của bị cáo chiếm đoạt 72.706.000đ; còn phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt thì giữ nguyên. Bị cáo trình bày khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tham ô tài sản như đã được nêu trên. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng tội, tuy nhiên về mức hình phạt là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiếp được 70.000.000đ (*nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên*), do vậy mong Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị Kim H1 trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tham ô tài sản và tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng như đã được nêu trên. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng tội, tuy nhiên về mức hình phạt là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiếp được 10.000.000đ (*nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên*), do vậy mong Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt và giảm mức bồi thường dân sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Có đủ chứng cứ để kết luận bị cáo Trịnh Thị H phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Vũ Thị Kim H1 phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999. Sau khi đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra; xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, cũng như việc các bị cáo tiếp tục bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm và việc bị cáo Trịnh Thị H rút một phần kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà

bị cáo Trịnh Thị H đã rút. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 phát biểu ý kiến: Các bị cáo rất thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo tích cực chấp hành pháp luật thể hiện việc tiếp tục khắc phục hậu quả, cụ thể bị cáo Trịnh Thị H bồi thường thêm 70.000.000đ; bị cáo Vũ Thị Kim H1 bồi thường thêm 10.000.000đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Trịnh Thị H; quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Vũ Thị Kim H1 để giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên án sơ thẩm vào ngày 29/8/2018, ngày 06/9/2018 và ngày 11/9/2018 các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 là trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Thị H tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi của bị cáo chiếm đoạt 72.706.000đ. Việc rút một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị H là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo này.

[3] Quá trình điều tra, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2009 đến ngày 30/6/2015, bị cáo Vũ Thị Kim H1 là Kế toán và bị cáo Trịnh Thị H là Thủ quỹ của Trường Chính trị tỉnh Phú Yên đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao cùng nhau lập khống chứng từ thanh toán chế độ của học viên học tại Trường Chính trị tỉnh Phú Yên và trực tiếp lấy tiền mặt tại quỹ của Trường với tổng số tiền chiếm đoạt là 3.241.957.119đ. Trong đó, Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H cùng lập khống chứng từ chiếm đoạt 2.567.596.000đ. Ngoài ra, Trịnh Thị H còn chiếm đoạt riêng tiền quỹ và tiền học phí hai lớp cao cấp chính trị là 650.921.119đ; Vũ Thị Kim H1 lập khống chứng từ chiếm

đoạt riêng 23.440.000đ. Như vậy, Trịnh Thị H chiếm đoạt 3.218.517.199đ, Vũ Thị Kim H1 chiếm đoạt 2.591.036.000đ.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2012, Vũ Thị Kim H1 thiếu trách nhiệm, thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, không đưa đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán để quản lý, theo dõi đối với việc thu, chi học phí hai lớp cao cấp chính trị Khóa 10 và Khóa 11 do Học viện Chính trị khu vực III mở tại Trường Chính trị tỉnh Phú Yên, gây thiệt hại cho Trường Chính trị tỉnh Phú Yên 330.666.000đ.

[4] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử: Bị cáo Trịnh Thị H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; Vũ Thị Kim H1 về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi tham ô tài sản do các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 cùng thực hiện và hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng do bị cáo Vũ Thị Kim H1 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Đã xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, đến hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý hành chính, giảng dạy của Trường Chính trị tỉnh Phú Yên và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được áp dụng theo Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là: Thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cơ bản số tiền chiếm đoạt. Bị cáo Trịnh Thị H có bố là liệt sỹ; bị cáo Vũ Thị Kim H1 có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trịnh Thị H bồi thường thêm 70.000.000đ, bị cáo Vũ Thị Kim H1 bồi thường thêm 10.000.000đ (*nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên tại các biên lai thu số 0231, 0232 ngày 26/11/2018 và số 0234 ngày 24/12/2018*). Việc các bị cáo tiếp tục bồi thường là tình tiết mới thể hiện sự tích cực trong việc chấp hành pháp luật và khắc phục hậu quả sau khi xét xử sơ thẩm. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 giảm một phần hình phạt về tội “Tham ô tài sản”. Đối với bị cáo Vũ Thị Kim H1 giữ nguyên hình phạt đối với tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim H1 về việc xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Trong suốt thời gian từ 25/12/2009 đến 30/6/2015, Trường Chính trị tỉnh Phú Yên chỉ có Vũ Thị Kim H1 làm Kế toán và Trịnh Thị H làm Thủ quỹ. Ngoài ra không có ai làm hoặc

kiêm nhiệm vụ này. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1, Lê Văn S, Nguyễn Thị Tuyết N trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn dân sự, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án đã có căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2009 đến ngày 30/6/2015, các bị cáo Vũ Thị Kim H1, Trịnh Thị H đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao cùng nhau lập không chứng từ thanh toán và trực tiếp lấy tiền mặt tại quỹ của Trường với tổng số tiền chiếm đoạt 3.241.957.119đ. Trong đó, Vũ Thị Kim H1 và Trịnh Thị H cùng lập không chứng từ chiếm đoạt 2.567.596.000đ. Ngoài ra, Trịnh Thị H còn chiếm đoạt riêng tiền quỹ và tiền học phí hai lớp cao cấp chính trị là 650.921.119đ; Vũ Thị Kim H1 lập không chứng từ chiếm đoạt riêng 23.440.000đ. Như vậy, Trịnh Thị H chiếm đoạt 3.218.517.199đ, Vũ Thị Kim H1 chiếm đoạt 2.591.036.000đ. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với số tiền chiếm đoạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Vũ Thị Kim H1 trình bày nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình về nội dung này là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim H1 về nội dung này. Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo Vũ Thị Kim H1 là đúng pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị H đối với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi của bị cáo chiếm đoạt 72.706.000đ.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 về phần hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim H1 về phần giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, x, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 – Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian đã tạm giam ngày từ 26/8/2015 đến ngày 18/8/2016. Cấm bị cáo Trịnh Thị H đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong

các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 – Xử phạt bị cáo Vũ Thị Kim H1 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Vũ Thị Kim H1 chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Cấm bị cáo Vũ Thị Kim H1 đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo Vũ Thị Kim H1.

6. Trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo Trịnh Thị H bồi thường thêm 70.000.000đ, bị cáo Vũ Thị Kim H1 bồi thường thêm 10.000.000đ (theo các biên lai thu số 0231, 0232 ngày 26/11/2018 và số 0234 ngày 24/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

7. Các bị cáo Trịnh Thị H, Vũ Thị Kim H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

Phạm Tồn

Trần Quốc Cường